



PHẠM  
ĐÌNH  
CƯƠNG  
G

Digitally signed by  
PHẠM ĐÌNH CƯƠNG  
DN: c=VN, st=HÀ NỘI,  
l=Hai Bà Trưng,  
o=CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG VÀ CHẾ  
BIẾN LƯƠNG THỰC  
VĨNH HÀ, ou=Ban Giám  
Đốc, title=Giám Đốc,  
cn=PHẠM ĐÌNH  
CƯƠNG,  
0.9.2342.19200300.100.  
1.1-CMND:010334139  
Date: 2017.03.16  
11:13:17 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN  
LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Tài chính và Thuế
- Finance & Tax Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN  
LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Đình Cương	Ủy viên
Ông Lê Văn Thành	Ủy viên
Ông Huỳnh Sơn Trung	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/01/2016)
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/01/2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Phạm Đình Cương	Giám đốc
Ông Trần Công Đắc	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Hải Long	Phó Giám đốc
Ông Lưu Quốc Hùng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/07/2016)
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/10/2016)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Đình Cương**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017



Số: 061 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13/03/2017, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Tại ngày 31/12/2016, chi phí tiền thuê đất và phạt chậm nộp Công ty chưa ghi nhận là 12.919.394.126 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 20.757.747.755 đồng). Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì chi phí quản lý tăng lên và lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016 sẽ giảm đi giá trị là 12.919.394.126 đồng.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*


Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 28/03/2016, trong đó đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa hạch toán khoản tiền thuê đất năm 2015 và chưa thực hiện điều chỉnh sai sót, hồi tố vào số liệu đầu kỳ đối với số tiền thuê đất lũy kế phải trả đến hết năm 2014.



  
Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

  
Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>278.916.614.218</b>	<b>296.969.421.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.974.331.049</b>	<b>16.670.062.338</b>
1. Tiền	111		5.974.331.049	16.670.062.338
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>167.815.000.000</b>	<b>165.425.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		167.815.000.000	165.425.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.335.746.334</b>	<b>78.030.323.241</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.166.294.138	94.158.391.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	45.225.444.555	11.203.572.350
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.298.908.286	6.383.260.056
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(35.354.900.645)	(33.714.900.645)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.182.516.739</b>	<b>28.807.853.420</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	21.182.516.739	28.807.853.420
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.609.020.096</b>	<b>8.036.182.696</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		673.494.929	127.076.027
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.591.769.257	7.673.821.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.343.755.910	235.284.766
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.845.225.682</b>	<b>57.966.240.291</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.559.139.458</b>	<b>5.998.139.458</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	734.239.458	774.239.458
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.824.900.000	5.223.900.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.148.302.802</b>	<b>22.406.665.603</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.988.608.870	19.019.378.496
- Nguyên giá	222		38.647.205.354	38.510.585.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.658.596.484)	(19.491.206.740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.159.693.932	3.387.287.107
- Nguyên giá	228		5.786.890.000	5.658.625.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.627.196.068)	(2.271.337.893)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>3.062.609.654</b>	<b>3.053.112.175</b>
- Nguyên giá	231		14.283.598.062	13.666.788.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.220.988.408)	(10.613.675.887)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.571.238.227</b>	<b>4.084.287.139</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.571.238.227	4.084.287.139
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>15.141.369.600</b>	<b>17.651.369.600</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.141.369.600	15.141.369.600
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.510.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.362.565.941</b>	<b>4.772.666.316</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.362.565.941	4.772.666.316
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>331.761.839.900</b>	<b>354.935.661.986</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>110.040.833.059</b>	<b>126.564.782.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.101.039.496</b>	<b>112.458.158.465</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	19.185.958.409	21.645.990.668
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	8.425.639.824	7.500.154.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	860.538.811	997.407.492
4. Phải trả người lao động	314		517.320.000	2.697.353.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		375.745.353	112.541.487
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	8.267.323.604	3.269.971.264
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.328.119.790	54.180.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	57.836.087.668	75.948.648.457
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		304.306.037	231.911.675
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.939.793.563</b>	<b>14.106.624.182</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	16	47.380.320	47.380.320
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	10.792.413.243	13.959.243.862
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	100.000.000	100.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>221.721.006.841</b>	<b>228.370.879.339</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>221.721.006.841</b>	<b>228.370.879.339</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.540.673.978	5.766.772.123
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180.332.863	7.604.107.216
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		180.332.863	7.604.107.216
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>331.761.839.900</b>	<b>354.935.661.986</b>



**Phạm Đình Cường**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

**Bùi Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	841.449.031.069	1.068.977.062.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		445.315.932	170.819.184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		841.003.715.137	1.068.806.243.377
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	789.639.664.574	968.615.452.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		51.364.050.563	100.190.791.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.251.676.014	17.721.583.201
7. Chi phí tài chính	22	27	7.452.750.680	9.206.743.587
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.073.021.198	8.064.396.468
8. Chi phí bán hàng	25	28	34.935.879.207	73.159.186.384
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25.525.719.605	28.511.928.776
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.298.622.915)	7.034.515.627
11. Thu nhập khác	31		1.549.156.150	17.477.510
12. Chi phí khác	32		70.200.372	34.183.713
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.478.955.778	(16.706.203)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		180.332.863	7.017.809.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	425.757.983
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		180.332.863	6.592.051.441
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3	267



Phạm Đình Cường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	180.332.863	7.017.809.424
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.130.560.440	3.103.468.615
- Các khoản dự phòng	03	1.640.000.000	(100.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(21.282.903)	(1.813.397)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.908.803.296)	(14.639.538.166)
- Chi phí lãi vay	06	7.073.021.198	8.064.396.468
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.906.171.698)	3.444.322.944
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.467.158.409	(4.274.104.432)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.625.336.681	19.402.759.935
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.475.677.664)	(53.774.812.898)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(136.318.527)	110.939.733
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.082.412.511)	(8.119.419.471)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.107.248.851)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(307.810.999)	(900.055.296)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(5.923.145.160)</b>	<b>(44.110.369.485)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.298.646.206)	(1.925.531.888)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(146.049.950.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	146.169.950.000	75.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.657.837.963	14.639.538.166
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>16.479.191.757</b>	<b>12.789.006.278</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	482.795.898.623	620.079.482.932
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.908.459.412)	(580.798.631.455)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.160.500.000)	(4.594.335.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(21.273.060.789)</b>	<b>34.686.516.477</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>(10.717.014.192)</b>	<b>3.365.153.270</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>16.670.062.338</b>	<b>13.303.095.671</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.282.903	1.813.397
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	<b>5.974.331.049</b>	<b>16.670.062.338</b>



Phạm Đình Cường

Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền

Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3528/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 16/05/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu ngày 23/11/2006 và thay đổi lần thứ 5 số 0100102830 ngày 06/08/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 215.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 160 người (tại ngày 31/12/2015 là 165 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- ✓ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- ✓ Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecni;
- ✓ Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;
- ✓ Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa; Vận tải bằng đường bộ; Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác như đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác như chống thấm cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm; Thương nghiệp bán buôn, bán lẻ lương thực, nông sản, vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y) và kinh doanh tổng hợp;
- ✓ Sản xuất nước giải khát; Đại lý bán buôn, bán lẻ gas, chất đốt; Kinh doanh và sản xuất bao bì thực phẩm; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- ✓ Bán buôn, bán lẻ và đại lý sắt thép, ống thép kim loại màu;
- ✓ Xuất nhập khẩu trực tiếp lương thực, thực phẩm; Xây dựng công trình dân dụng và hạng mục công trình công nghiệp; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Nuôi trồng thủy, hải sản;
- ✓ Dịch vụ dạy nghề công nhân kỹ thuật, giới thiệu việc làm; Dịch vụ ăn uống, nhà hàng;
- ✓ Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi; Kinh doanh vận tải, đại lý vận tải đường bộ, đường thủy.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Trung tâm kinh doanh lương thực Cầu Giấy	Thôn Phương, Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
2	Xí nghiệp xuất nhập khẩu I	Thị trấn Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương
3	Trung tâm dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
4	Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm Vĩnh Tuy	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
5	Xí nghiệp xây dựng số 2	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
6	Trung tâm kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
7	Trung tâm kinh doanh lương thực Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Các bên liên quan**

Các cổ đông góp vốn, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính******Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	277.458.925	390.678.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.696.872.124	16.279.383.990
	<b><u>5.974.331.049</u></b>	<b><u>16.670.062.338</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>167.815.000.000</b>	<b>167.815.000.000</b>	<b>167.935.000.000</b>	<b>167.935.000.000</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>167.815.000.000</i>	<i>167.815.000.000</i>	<i>165.425.000.000</i>	<i>165.425.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	167.815.000.000	167.815.000.000	165.425.000.000	165.425.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>2.510.000.000</b>	<b>2.510.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.510.000.000	2.510.000.000

*Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>15.141.369.600</b>	<b>15.141.369.600</b>	<b>15.141.369.600</b>	<b>15.141.369.600</b>
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	15.141.369.600	15.141.369.600	15.141.369.600	15.141.369.600

*Ghi chú: (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 05/03/1994 với Công ty Tungshing Development INC để thành lập Công ty TNHH FTC - Tungshing nhằm mục đích xây dựng Tòa nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ văn phòng tại số 2 - 4 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trong đó:*

- *Vốn góp của phía Việt Nam là quyền sử dụng đất tại số 2 - 4 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.*
- *Lợi nhuận được phân chia cho các bên sẽ do Hội đồng Quản trị công ty liên doanh quyết định sau khi đã trả tất cả các loại thuế và lập quỹ dự phòng phù hợp với quy định của pháp luật, thanh toán toàn bộ phần nợ công ty liên doanh còn phải trả.*
- *Tỷ lệ lợi nhuận chia cho phía Việt Nam từ năm 01 đến năm 10 là 30%; từ năm 11 đến năm 20 là 35%; từ năm 21 đến năm 30 là 40%; từ năm 31 đến khi hết hạn giấy phép là 45%.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>56.130.288.204</b>	<b>87.622.385.546</b>
Công ty Cổ Phần Thương mại nông sản Đức Lợi	20.421.354.200	20.421.354.200
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Bluestar Việt Nam	3.425.551.800	8.196.966.000
Công ty TNHH Dinh Dưỡng quốc tế Việt Đức	-	7.540.507.150
Công ty Cổ phần phát triển Tân Thành	5.170.284.533	5.170.284.533
Các khách hàng tại quầy Minh Khai	2.385.984.275	2.796.751.105
Doanh nghiệp tư nhân Minh Ân	3.537.595.843	3.537.595.843
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	1979930000	1979930000
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	1.780.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng CAVICO Cầu Hàm	1.759.014.091	1.759.014.091
Shandong Dafeng Trading Co., Ltd	-	11.749.859.275
Công ty Cổ phần Tín Phát	-	9.002.006.400
Công an tỉnh Phú Thọ	3.220.950.993	1.585.114.280
Bệnh viện y học cổ truyền - Bộ Công an (GD II)	4.164.775.438	-
Các đối tượng khác	8.384.847.031	12.103.002.669
<b>b) Bên liên quan ngắn hạn</b>	<b>6.036.005.934</b>	<b>6.536.005.934</b>
CN Đồng bằng Sông Cửu Long - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	6.036.005.934	6.536.005.934

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>45.225.444.555</b>	<b>11.203.572.350</b>
Công ty Cổ phần Tín Phát	29.360.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại TP Gia Phát	6.086.628.000	-
CN 2 tại HCM - Cty TNHH Vĩnh Tiến	5.183.426.000	-
Doanh nghiệp tư nhân nông sản Quang Thái	2.002.104.042	-
Công ty TNHH NGK Coca-Cola Việt Nam	563.336.274	1.500.000.000
Công ty Phú Thịnh	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Quỳnh Anh Khoa	-	2.500.000.000
Công ty Hùng Điền	-	1.461.188.000
Các đối tượng khác	2.029.950.239	1.742.384.350
<b>a) Dài hạn</b>	<b>734.239.458</b>	<b>774.239.458</b>
Công ty TNHH Thảo Yến	734.239.458	774.239.458



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.257.086.212</b>	-	<b>2.994.567.328</b>	-
- Tạm ứng	1.161.572.000	-	131.806.871	-
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	1.624.000.000	-
- Phải thu khác	85.514.212	-	1.238.760.457	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.824.900.000</b>	-	<b>5.223.900.000</b>	-
- Tạm ứng (i)	4.824.900.000	-	4.824.900.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	399.000.000	-
<b>c) Bên liên quan ngắn hạn</b>	<b>4.041.822.074</b>	-	<b>3.388.692.728</b>	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đại Phước (ii)	4.041.822.074	-	-	-
Ngân hàng địa ốc ACB	-	-	3.388.692.728	-

**Ghi chú:**

- (i) Là khoản tạm ứng cho cá nhân ông Nguyễn Văn Toàn làm các thủ tục thực hiện dự án. Đến nay các dự án này đã thành lập ban quản lý dự án và có các chi phí phát sinh như: chi phí đo đạc, khảo sát, chi phí lương... Và trong các năm tới, dự kiến các dự án này sẽ đi vào triển khai.
- (ii) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2016/HĐHTKD - VHF - ĐP ngày 22/12/2016, Công ty cùng Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đại Phước cùng nhau hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 231 Cầu Giấy. Thời hạn hợp tác là 42 năm, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định là 1.960.637.552 đồng/năm (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) ngoài quyền sử dụng đất tại số 231 Cầu Giấy, Công ty đứng tên, đại diện làm việc với cơ quan Nhà nước. Các chi phí liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước sẽ do Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đại Phước chi trả. Khoản phải thu khác nêu trên là tiền thuê đất từ năm 2012 đến nay mà Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đại Phước phải trả.

**10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thảo Yên	734.239.458	-	774.239.458	-
Công ty Cổ phần Cavico Cầu Hàm	1.759.014.091	-	1.759.014.091	-
Công ty CP Phát triển Tân Thành	5.170.284.533	-	5.170.284.533	-
Công ty CP TMNS Đức Lợi	20.421.354.200	-	20.421.354.200	-
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	1.979.930.000	-	1.979.930.000	-
DNTN Minh Ân	3.537.595.843	-	3.537.595.843	-
Ông Nguyễn Trọng Hiền	40.000.000	-	40.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	32.482.520	-	32.482.520	-
	<b>35.354.900.645</b>	-	<b>33.714.900.645</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	3.126.343.423	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.901.430.779	-	18.009.443.195	-
Thành phẩm	-	-	2.293.429.591	-
Hàng hóa	10.281.085.960	-	5.378.637.211	-
	<b>21.182.516.739</b>	-	<b>28.807.853.420</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VINH HÁ**

Số 9A, đường Vinh Tuy, phường Vinh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Số đầu năm	28.668.349.756		2.773.180.569		6.752.259.318		58.980.909		257.814.684		38.510.585.236	
- Mua trong kỳ	-		-		318.181.818		-		-		318.181.818	
- Nặng cấp tài sản	265.248.300		-		-		-		-		265.248.300	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(446.810.000)		-		-		-		-		(446.810.000)	
Số cuối năm	28.486.788.056		2.773.180.569		7.070.441.136		58.980.909		257.814.684		38.647.205.354	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Số đầu năm	13.385.576.250		2.395.502.131		3.502.833.095		58.980.909		148.314.355		19.491.206.740	
- Khấu hao trong kỳ	1.295.753.532		155.425.891		823.071.978		-		54.486.348		2.328.737.749	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(161.348.005)		-		-		-		-		(161.348.005)	
Số cuối năm	14.519.981.777		2.550.928.022		4.325.905.073		58.980.909		202.800.703		21.658.596.484	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Số đầu năm	15.282.773.506		377.678.438		3.249.426.223		-		109.500.329		19.019.378.496	
Số cuối năm	13.966.806.278		222.252.547		2.744.536.062		-		55.013.981		16.988.608.870	

Nguyên giá của tài sản có định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2016 là 7.014.366.452 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	5.558.625.000	100.000.000	5.658.625.000
- Mua trong kỳ	128.265.000	-	128.265.000
Số cuối năm	<u>5.686.890.000</u>	<u>100.000.000</u>	<u>5.786.890.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	2.171.337.893	100.000.000	2.271.337.893
- Khấu hao trong kỳ	355.858.175	-	355.858.175
Số cuối năm	<u>2.527.196.068</u>	<u>100.000.000</u>	<u>2.627.196.068</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>3.387.287.107</u>	<u>-</u>	<u>3.387.287.107</u>
Số cuối năm	<u>3.159.693.932</u>	<u>-</u>	<u>3.159.693.932</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2016 là 100.000.000 đồng.

**14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<u>Kho tàng</u> VND	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	11.523.882.208	2.142.905.854	13.666.788.062
Mua sắm mới	170.000.000	-	170.000.000
Điều chuyển	-	446.810.000	446.810.000
Số dư cuối năm	<u>11.693.882.208</u>	<u>2.589.715.854</u>	<u>14.283.598.062</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	9.678.366.447	935.309.440	10.613.675.887
Khấu hao trong năm	309.294.509	298.018.012	607.312.521
Số dư cuối năm	<u>9.987.660.956</u>	<u>1.233.327.452</u>	<u>11.220.988.408</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	<u>1.845.515.761</u>	<u>1.207.596.414</u>	<u>3.053.112.175</u>
Số dư cuối năm	<u>1.706.221.252</u>	<u>1.356.388.402</u>	<u>3.062.609.654</u>

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2016 là 5.414.726.879 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>19.185.958.409</b>	<b>19.185.958.409</b>	<b>18.423.310.708</b>	<b>18.423.310.708</b>
Công ty Xây dựng D&T Việt Nam	4.180.565.817	4.180.565.817	4.086.988.765	4.086.988.765
Công ty Vận tại Châu Giang	3.889.198.531	3.889.198.531	3.288.695.786	3.288.695.786
Công ty Minh Châu	311.096.924	311.096.924	881.320.164	881.320.164
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.369.047.618	2.369.047.618	2.369.047.618	2.369.047.618
Công ty CP thương mại kỹ thuật Hàn Việt	4.373.780.440	4.373.780.440	-	-
Đối tượng khác	4.062.269.079	4.062.269.079	7.797.258.375	7.797.258.375
<b>b) Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.222.679.960</b>	<b>3.222.679.960</b>
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	-	-	3.222.679.960	3.222.679.960
	<b>19.185.958.409</b>	<b>19.185.958.409</b>	<b>21.645.990.668</b>	<b>21.645.990.668</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8.425.639.824</b>	<b>7.500.154.422</b>
Công ty Cổ phần Tín Phát	8.362.298.800	1.121.500.000
Bệnh Viện y học cổ truyền Bộ Công an	-	6.332.418.473
Các đối tượng khác	63.341.024	46.235.949
<b>a) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>47.380.320</b>	<b>47.380.320</b>
Lê Thị Huyền	14.000.000	14.000.000
Lương Thị Láng	10.500.000	10.500.000
Chử Văn Tinh	12.313.920	12.313.920
Lương Thị Yến	10.566.400	10.566.400
	<b>8.473.020.144</b>	<b>7.547.534.742</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	519.110.070	3.888.682.277	3.585.284.533	822.507.814
Thuế thu nhập cá nhân	99.227.316	166.011.249	227.207.568	38.030.997
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	379.070.106	21.014.632.949	21.393.703.055	-
Các loại thuế khác	-	12.500.000	12.500.000	-
	<b>997.407.492</b>	<b>25.081.826.475</b>	<b>25.218.695.156</b>	<b>860.538.811</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	235.284.766	-	1.107.248.851	1.342.533.617
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.222.293	1.222.293
	<b>235.284.766</b>	<b>-</b>	<b>1.108.471.144</b>	<b>1.343.755.910</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.267.323.604</b>	<b>3.269.971.264</b>
Doanh thu trả trước cho thuê kho	986.559.089	1.523.441.814
Doanh thu nhận trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.320.126.963	152.043.286
Doanh thu chưa thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.960.637.552	1.594.486.164
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.792.413.243</b>	<b>13.959.243.862</b>
Doanh thu trả trước cho thuê kho	3.057.272.726	660.000.000
Doanh thu nhận trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	3.572.953.177
Doanh thu chưa thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.735.140.517	9.726.290.685

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>38.619.790</b>	<b>54.180.000</b>
Đối tượng khác	38.619.790	54.180.000
<b>b) Phải trả khác ngắn hạn bên liên quan</b>	<b>3.289.500.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (i)	3.289.500.000	-
<b>c) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	100.000.000	100.000.000

Ghi chú: (i) là khoản Công ty trả cổ tức cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ10 ngày 20/04/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (i)	54.907.471.654	54.907.471.654	392.600.705.769	381.202.977.203	66.305.200.220	66.305.200.220
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	2.928.616.014	2.928.616.014	33.602.480.643	26.887.648.420	9.643.448.237	9.643.448.237
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-	71.375.273.000	71.375.273.000	-	-
NH BIDV - CN Chương Dương	-	-	3.330.000.000	3.330.000.000	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1500LAV201602838 ngày 20/05/2016 với hạn mức 150 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 27/05/2016. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận và ghi trong giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/6022503 ngày 25/05/2016 với hạn mức 100 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay đảm bảo bởi uy tín và năng lực tài chính của Công ty; Thế chấp các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế; Bảo lãnh bên thứ 3; Toàn bộ số dư tài khoản tiền của ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; Và nguyên vật liệu tồn kho, hàng hóa chậm luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.000.000.000	5.766.772.123	1.012.055.775	221.778.827.898
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.592.051.441	6.592.051.441
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>5.766.772.123</b>	<b>7.604.107.216</b>	<b>228.370.879.339</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	180.332.863	180.332.863
Phân phối lợi nhuận (i)	-	773.901.855	(7.604.107.216)	(6.830.205.361)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>6.540.673.978</b>	<b>180.332.863</b>	<b>221.721.006.841</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ10 ngày 20/04/2016, Công ty phân phối lợi nhuận trong năm 2015 như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 773.901.885 đồng (tương ứng 10,177%), Quỹ khen thưởng phúc lợi là 380.205.361 đồng (tương ứng 5%) và chi trả cổ tức cho cổ đông là 6.450.000.000 đồng (tương ứng 3%).

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	109.650.000.000	51%	109.650.000.000	51%
Các cổ đông khác	105.350.000.000	49%	105.350.000.000	49%
	<b>215.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	215.000.000.000	215.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	215.000.000.000	215.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Cổ tức**

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông giá trị là 6.450.000.000 đồng (tương ứng 3%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ10 ngày 20/04/2016. Công ty đã hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính năm nay, đồng thời Công ty đã trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với số tiền là 3.160.500.000 đồng.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	19.475,68	302.372,78
EUR	2,31	2,31



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Năm nay	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
	lượng thực và khác	bất động sản	VND	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	787.796.266.982	25.120.811.386	28.086.636.769	841.003.715.137
Khấu hao và chi phí phân bổ	744.274.440.884	20.298.377.638	26.996.089.029	791.568.907.551
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				58.532.355.835
Doanh thu tài chính				15.251.676.014
Chi phí tài chính				7.452.750.680
Thu nhập khác				1.549.156.150
Chi phí khác				70.200.372
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>180.332.863</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	583.430.118	170.000.000	-	753.430.118
Tài sản bộ phận	117.297.982.428	3.062.609.654	19.569.223.351	139.929.815.433
Tài sản không phân bổ				191.832.024.467
<b>Tổng tài sản</b>				<b>331.761.839.900</b>
Nợ phải trả bộ phận	27.426.845.377	4.043.831.815	19.569.223.351	51.039.900.543
Nợ phải trả không phân bổ				59.000.932.516
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>110.040.833.059</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	784.565.006.087	982.693.986.145
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.797.388.213	31.650.266.774
Doanh thu hợp đồng xây dựng	28.086.636.769	54.632.809.642
	<b>841.449.031.069</b>	<b>1.068.977.062.561</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	739.612.339.979	903.173.946.655
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.083.399.210	13.456.046.117
Giá vốn hợp đồng xây dựng	26.943.925.385	51.985.459.432
	<b>789.639.664.574</b>	<b>968.615.452.204</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.692.834.546	11.364.288.166
Doanh thu tài chính khác	752.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	457.341.468	3.082.045.035
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.349.500.000	3.275.250.000
	<b>15.251.676.014</b>	<b>17.721.583.201</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.073.021.198	8.064.396.468
Lỗ chênh lệch tỷ giá	379.729.482	1.142.347.119
	<b>7.452.750.680</b>	<b>9.206.743.587</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.819.608.256	2.079.134.176
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	399.484.546	39.669.871
Chi phí khấu hao	264.568.249	445.863.294
Chi phí thuế, phí lệ phí	56.347.134	117.079.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.040.218.582	55.298.663.794
Chi phí khác bằng tiền	7.355.652.440	15.178.775.935
	<b>34.935.879.207</b>	<b>73.159.186.384</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.770.001.205	20.766.375.388
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	406.275.266	331.025.668
Chi phí khấu hao	1.716.838.372	1.970.814.291
Chi phí thuế, phí lệ phí	407.191.928	433.508.011
Chi phí dự phòng	1.680.000.000	(100.000.000)
Chi phí khác bằng tiền	5.545.412.834	5.110.205.418
	<b>25.525.719.605</b>	<b>28.511.928.776</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	23.684.098.724	49.826.196.882
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	28.000.155.635	29.513.510.186
Chi phí khấu hao	3.130.560.440	1.800.802.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.735.337.984	74.298.555.045
Chi phí khác bằng tiền	18.869.932.360	10.229.114.289
	<b>118.420.085.143</b>	<b>165.668.178.943</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi/ Lỗ trước thuế	180.332.863	7.017.809.424
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.199.299.628)	(5.082.545.863)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	3.389.500.000	3.420.489.539
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	190.200.372	154.183.636
Chuyển lỗ	-	1.816.239.960
Thu nhập chịu thuế	(3.018.966.765)	1.935.263.561
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	425.757.983

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	180.332.863	7.017.809.424
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển	-	1.154.107.216
Thù lao Hội đồng Quản trị không chuyên trách	120.000.000	120.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.332.863	5.743.702.208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.500.000	21.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>3</b>	<b>267</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, ngoài các Thuyết minh số 6, 14 và 18, Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm nay VND
<b>Bán hàng hóa, nguyên liệu</b>		
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	31.357.207.500
CN Đồng bằng Sông Cửu Long - TCT Lương Thực Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	21.429.900.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Cùng Công ty mẹ	10.528.000.000
Công ty Cổ phần XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	41.330.000
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</b>		
CN Đầu tư và Phát triển vùng nguyên liệu Đồng bằng Sông Cửu Long - TCT Lương thực Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	3.792.411.818
CN Cái Sắn - TCT Lương thực Miền Bắc		26.981.670.000
CN Đồng bằng Sông Cửu Long - TCT Lương thực Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	27.856.386.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	15.278.307.600
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Cùng Công ty mẹ	10.376.100.000

**Thu nhập Ban Giám đốc, lương và thù lao Hội đồng Quản trị**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc	2.184.310.117	2.132.159.055
	<b>2.184.310.117</b>	<b>2.132.159.055</b>

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2016, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	57.836.087.668	75.948.648.457
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.974.331.049	16.670.062.338
Nợ thuần	51.861.756.619	59.278.586.119
Vốn chủ sở hữu	221.721.006.841	228.370.879.339
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>23,4%</b>	<b>26,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.974.331.049	16.670.062.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.925.201.779	70.027.650.891
Đầu tư tài chính ngắn hạn	167.815.000.000	165.425.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	15.141.369.600	17.651.369.600
Các khoản ký quỹ	10.000.000	2.023.000.000
	<b>225.865.902.428</b>	<b>271.797.082.829</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	57.836.087.668	75.948.648.457
Phải trả người bán và phải trả khác	22.614.078.199	21.800.170.668
Chi phí phải trả	375.745.353	112.541.487
	<b>80.825.911.220</b>	<b>97.861.360.612</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 5 năm trở lên</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.974.331.049	-	5.974.331.049
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.925.201.779	-	36.925.201.779
Đầu tư tài chính ngắn hạn	167.815.000.000	-	167.815.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	15.141.369.600	15.141.369.600
Các khoản ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000
	<u>210.724.532.828</u>	<u>15.141.369.600</u>	<u>225.865.902.428</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	57.836.087.668	-	57.836.087.668
Phải trả người bán và phải trả khác	22.514.078.199	100.000.000	22.614.078.199
Chi phí phải trả	375.745.353	-	375.745.353
	<u>80.725.911.220</u>	<u>100.000.000</u>	<u>80.825.911.220</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>129.998.621.608</u>	<u>15.041.369.600</u>	<u>145.039.991.208</u>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 5 năm trở lên</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.670.062.338	-	16.670.062.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.027.650.891	-	70.027.650.891
Đầu tư tài chính ngắn hạn	165.425.000.000	-	165.425.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	17.651.369.600	17.651.369.600
Các khoản ký quỹ	1.624.000.000	399.000.000	2.023.000.000
	<u>253.746.713.229</u>	<u>18.050.369.600</u>	<u>271.797.082.829</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	75.948.648.457	-	75.948.648.457
Phải trả người bán và phải trả khác	21.700.170.668	100.000.000	21.800.170.668
Chi phí phải trả	112.541.487	-	112.541.487
	<u>97.761.360.612</u>	<u>100.000.000</u>	<u>97.861.360.612</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>155.985.352.617</u>	<u>17.950.369.600</u>	<u>173.935.722.217</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.



**Phạm Đình Cường**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

**Bùi Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu

